

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM



Ngày 26 tháng 04 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM
(VIFON)**

I – THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát - Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực Phẩm Việt Nam
Tên tiếng Anh : VIETNAM FOOD INDUSTRIES JOINT STOCK COMPANY.
Tên viết tắt : **VIFON**
Vốn điều lệ đăng ký kinh doanh: 103.263.100.000 đồng
Trụ sở chính : 913 Trường Chinh, P.Tây thanh, Quận Tân phú, TP.HCM
Số điện thoại : 08.8153947-08.8153933
Fax : 08.8153059
Website : <http://www.vifon.com.vn>
Email : Vifon@hcm.vnn.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 15/01/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 0300627384 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/12/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội số 0300627384-012 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP.Hà Nội cấp ngày 27/10/2014.

Giấy chứng nhận đầu tư số 01212000555 ngày 27/10/2014 do Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp và Chế Xuất Hà Nội.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Những ngày đầu thành lập:

Ngày 23/07/1963, 14 nhà tư sản người Việt gốc Hoa đã góp tiền vốn ban đầu gồm 35.000 cổ phần để thành lập công ty. Cuối năm 1964 số vốn góp tăng lên 70.000 cổ phần.

Đến năm 1967 mới hoàn thành xây dựng với ba nhà máy có tên gọi là: VIFOINCO, VILIHICO, VIKAINCO, trong đó VIFOINCO là nhà máy chính mang nhãn hiệu chung là VIFON.

Kể từ sau năm 1975, Công ty VIFON được Nhà nước tiếp quản và duy trì sản xuất một số sản phẩm.

Tháng 03/1977, VIFON được Bộ Chủ Quản quyết định chuyển thành doanh nghiệp quốc doanh với tên gọi là Nhà Máy Bột Ngọt Tân Bình, đơn vị sản xuất báo sở trực thuộc công ty Bột Ngọt Miền Nam (sau đổi tên thành Xí Nghiệp Liên Hiệp Bột Ngọt – Mì ăn liền).

Từ năm 1986 đến năm 2000 là giai đoạn vươn lên phát triển vượt bậc của nhà máy nhờ được giao quyền hạch toán độc lập và tự chủ trong SXKD.

Cuối năm 2003, thực hiện đề án sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Nghiệp giai đoạn năm 2001-2005, Công ty chuyển thành Công ty cổ phần có 51% vốn Nhà nước.

Từ năm 2004, sau khi cổ phần hóa đợt 01, công ty đã đổi tên thành “ Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam”

Sang năm 2005, được sự đồng ý của Bộ Chủ Quản, Công ty đã đưa 51% phần vốn Nhà nước ra bán đấu giá bên ngoài để trở thành công ty cổ phần 100% vốn sở hữu tư nhân.

Nhìn chung, sau gần 12 năm hoạt động với tư cách là Công ty cổ Phần (2004-2016), Công ty đã thực hiện được hàng loạt các biện pháp mạnh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như: cải tổ bộ máy quản lý, tinh giảm lực lượng lao động, đầu tư lớn cho công tác tiếp thị, chính sách nghiệp vụ bán hàng, từng bước khôi phục lại thị trường trong và ngoài nước và đã có những tín hiệu chuyển biến tích cực.

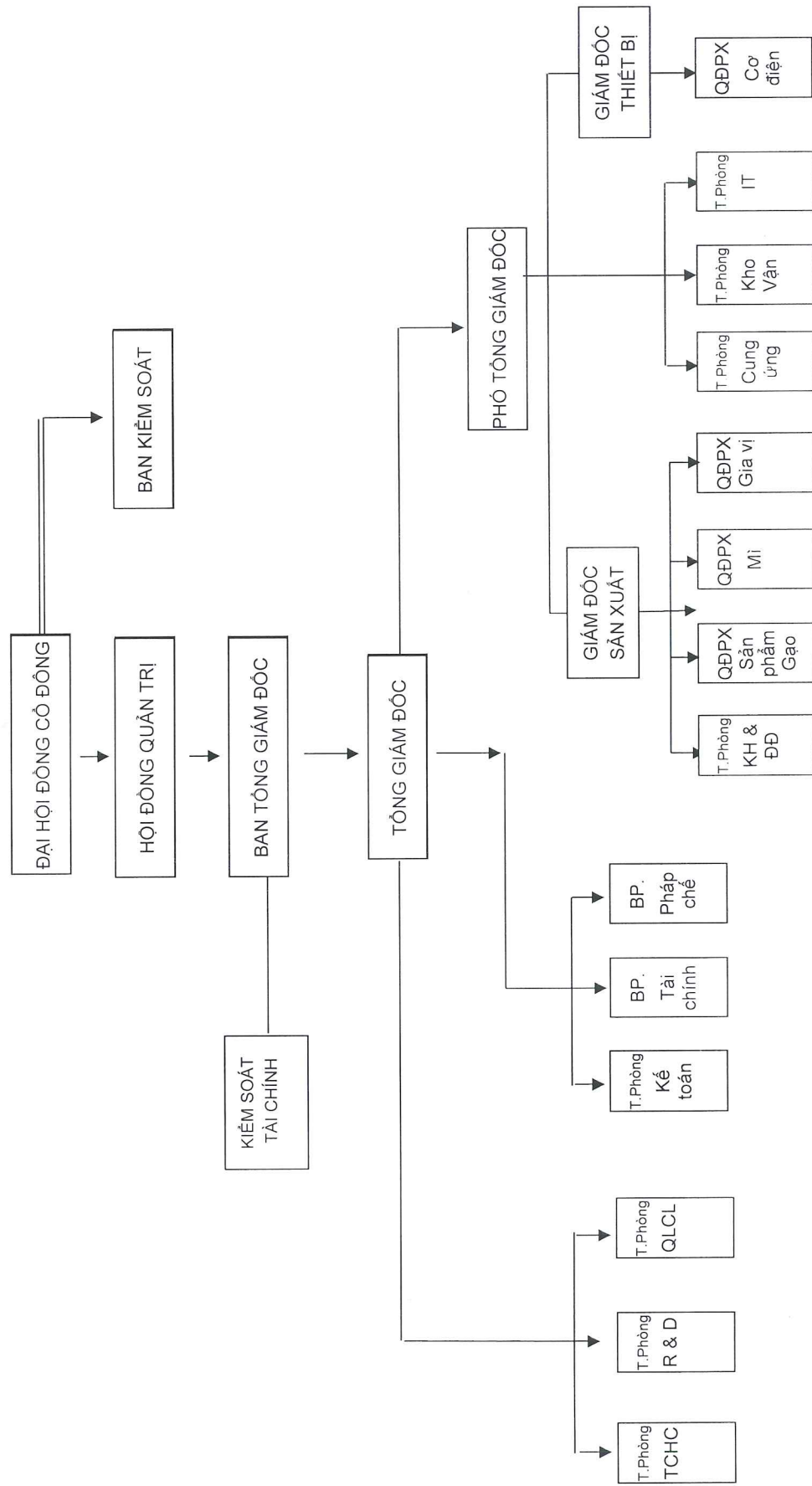
Công ty đã xây dựng Nhà máy Quang Minh tại Lô 37-6 Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300627384-012 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh trong nước và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ gạo, bột mì và các loại nông sản khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất;
- Địa bàn kinh doanh : toàn quốc

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM
SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY
(Áp dụng từ ngày 15 tháng 12 năm 2016)



100

100

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không có.
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan :Không có.

5. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu và Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trong chiến lược phát triển của Công ty trong những năm sắp tới, Hội đồng quản trị Vifon xác định việc tiếp tục phát triển và duy trì thị phần trong ngành thực phẩm ăn liền là mục tiêu quan trọng nhất của Công ty. Vifon sẽ tiếp tục chú trọng phát triển thị trường nội địa để mở rộng thị phần và giữ vững vị thế là đơn vị tiên phong trong ngành thực phẩm ăn liền Việt Nam.

Công ty cam kết không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty cho các cổ đông và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm góp phần thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng.

Đảm bảo việc làm ổn định, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời đáp ứng tốt nhất các yêu cầu pháp lý về vệ sinh môi trường và làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước.

II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Năm 2016, doanh thu thuần đạt 1 321 tỷ đồng, tăng 11 % so với năm 2015 và lợi nhuận sau thuế đạt 37,54 tỷ đồng, giảm 14% so với năm 2015.

Tổng tài sản của Công ty vào cuối năm 2016 đạt được 556,54 tỷ đồng tăng 31% so với cuối năm 2015. Vốn chủ sở hữu đạt 266 tỷ đồng cuối năm 2016.

So với mục tiêu công việc đề ra trong năm 2016, Công ty đã được kết quả trong việc từng bước cải tạo, ổn định chất lượng sản phẩm, tiếp tục hoàn thiện tổ chức nhân sự, tiết kiệm chi phí tối đa, mở rộng hệ thống phân phối, phát triển các thị trường mới.

Công ty đầu tư máy móc hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, và giảm chi phí công nhân, giảm giá thành sản phẩm.

Công ty cũng đã sửa chữa nâng cấp nhà xưởng SX đảm bảo yêu cầu VSATTP, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cải tạo văn phòng làm việc cho CB CNV và cải tạo các công trình công cộng phục vụ CB CNV.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2016, hoạt động kinh doanh của VIFON đã đạt được những kết quả sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Chênh lệch	Tăng trưởng 2016/2015	Tỷ lệ/doanh thu 2016
Doanh thu thuần	1195.52	1321.64	126.12	11	100.00%
Chi phí	1138.82	1273.52	134.7	12	96.36
- Giá vốn hàng bán	953.96	1037.53	83.57	9	78.50
- Chi phí bán hàng	117.78	169.86	52.08	44	12.85
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	67.29	66.27	-1.02	-2	5.01
- Chi phí tài chính	0.2	1.5	1.3	650	0.11
Lợi nhuận trước thuế	58.41	48.12	-10.29	-18	3.64
Lợi nhuận sau thuế	43.69	37.54	-6.15	-14	2.84

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của VIFON đối với ngành kinh doanh chính, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường của ngành, kế hoạch doanh thu của Công ty trong năm 2017 như sau:

Theo kế hoạch, doanh thu 2017 dự kiến tăng 18,6% so với năm 2016.

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2016	Kế hoạch SXKD	Giá trị	Tăng trưởng
		năm 2017		
Doanh thu thuần	1 321.65	1 566.97	245.3	18.6%
Chi phí	1 273.52	1 551.60	278.1	21.8%
Lợi nhuận trước thuế	48.1	15.4	(32.8)	-68%
Lợi nhuận sau thuế	37.5	12.3	(25.2)	-67%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	2.8%	0.8%	-2.1%	-72%

Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện các công việc cụ thể như sau để đáp ứng mục tiêu phát triển ổn định:

Tiếp tục cải tổ cơ cấu tổ chức, bổ sung các nhân sự có trình độ vào các vị trí chốt yếu của Công ty. Nâng cao hiệu quả quản lý theo mô hình tiên tiến, phù hợp với mức độ phát triển công ty.

Cải thiện, chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác.

Tiếp tục thực hiện chương trình giảm giá thành, giảm chi phí đầu vào, đầu tư nghiên cứu và trang bị các thiết bị sản xuất thích hợp để tăng mức tự động hóa, tăng năng suất lao động.

Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài nước, tăng cường độ phủ sản phẩm Vifon trên toàn quốc, tăng hiệu quả hoạt động của các kênh phân phối.

Đầu tư có tập trung và có tính chất chiến lược cho hoạt động marketing, góp phần nâng cao doanh số và nâng cao hình ảnh sản phẩm cũng như thương hiệu Vifon trên thị trường.

Nhanh chóng đưa ra thị trường các sản phẩm mới, có chất lượng và sức cạnh tranh.

2. Tổ chức và nhân sự :

Ban điều hành công ty :

- Tổng Giám đốc : Bà Bùi Phương Mai
- Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Ngọc Lân
- Kế toán trưởng : Hoàng Văn Nghiên

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Đến ngày 31/12/2016, tổng số nhân viên của Công ty là **1.673** người (31/12/2015: 1.422 người)

Chính sách đối với người lao động:

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Trước tình hình giá sinh hoạt tăng cao, Công ty đã cố gắng điều chỉnh thu nhập để hỗ trợ công nhân. Bên cạnh đó, tổ chức đi nghỉ mát và các chế độ lễ Tết để hỗ trợ đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn Công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung :

- Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, nhân viên đối với từng chức danh quy định.
- Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được Công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của Công ty.
- Hàng năm các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và

bồi dưỡng cán bộ nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Tổng Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ nhân viên gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính :

(Đơn vị tính: Đồng)

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thuần	1,195,003,211,811	1 320 616 648 366
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	56,579,936,262	46 017 914 115
Lợi nhuận trước thuế	58,415,254,840	48 124 184 860
Lợi nhuận sau thuế	43,696,214,883	37 540 204 033
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-

(Đơn vị tính: Đồng)

Bảng cân đối kế toán	Năm 2015	Năm 2016
Tổng tài sản	425,671,894,652	556 549 140 019
Tài sản ngắn hạn	362,736,844,054	429 056 158 829
Tài sản dài hạn	62,935,050,598	127 492 981 191
Vốn điều lệ	103,263,100,000	103 263 100 000
Vốn chủ sở hữu	229,893,767,880	266 049 387 430

a/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ số tài chính	ĐVT	2015	2016
A. Chỉ số thanh toán:			
Chỉ số thanh toán hiện hành	lần	1.91	1.50
Chỉ số thanh toán nhanh	lần	1.35	1.13
B. Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45.99%	52.20%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54.01%	47.80%
C. Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	vòng	5.4	4.7
Số ngày bình quân vòng quay các khoản phải thu	ngày	67.7	

Chỉ số tài chính	ĐVT	2015	2016
			77.1
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9.5	9.8
Số ngày bình quân vòng quay hàng tồn kho	ngày	38.4	37.4
Vòng quay các khoản phải trả	vòng	9.5	7.2
Số ngày bình quân các khoản phải trả	ngày	38.4	51.0
D.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.66%	2.84%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19.01%	14.11%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10.27%	6.75%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực phẩm Việt Nam)

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần :

Tổng số cổ phần : 1.032.631 CP

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

b/ Cơ cấu cổ đông :

Tổng số cổ đông : 76

Cổ đông lớn : 03

Cổ đông tổ chức : 03

Cổ đông nước ngoài : 02

III – BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Nhìn chung tình hình kinh tế trong nước năm 2016 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng không nằm ngoài khó khăn do tình hình biến động giá cả, giá cả chi phí đầu vào của sản xuất tăng cao.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2016:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2015	Giá trị tại 31/12/2016
Tổng giá trị theo sổ sách (tỷ đồng)	229.89	266.05
Vốn Điều lệ hiện tại (tỷ đồng)	103.26	103.26
Mệnh giá một cổ phần (đồng/cp)	100 000	100 000
Số cổ phần hiện hành (CP)	1 032 631	1 032 631
Thư giá/cổ phần (đồng/cp)	222 629.16	257 642.26

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2015	Năm 2016	Chênh lệch	Tăng trưởng 2016/2015	Tỷ lệ/doanh thu 2016
Doanh thu thuần	1195.52	1321.64	126.12	11	100.00%
Chi phí	1138.82	1273.52	134.7	12	96.36
- Giá vốn hàng bán	953.96	1037.53	83.57	9	78.50
- Chi phí bán hàng	117.78	169.86	52.08	44	12.85
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	67.29	66.27	-1.02	-2	5.01
- Chi phí tài chính	0.2	1.5	1.3	650	0.11
Lợi nhuận trước thuế	58.41	48.12	-10.29	-18	3.64
Lợi nhuận sau thuế	43.69	37.54	-6.15	-14	2.84

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực phẩm Việt Nam)

Phân tích tổng quan về tình hình thực hiện trên các chỉ tiêu cơ bản:

Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2016 tăng 11% so với năm 2015

Chi phí: Tổng chi phí năm 2016 tăng 12% so năm 2015. Trong đó:

- Giá vốn hàng bán là 1.037,53 tỷ đồng, chiếm 78,5% tổng doanh thu, tăng 9% so với năm 2014.
- Chi phí bán hàng trong năm là 169,86 tỷ đồng, chiếm 12,85% tổng doanh thu, tăng 44% so với năm 2015.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm là 66,27 tỷ đồng, chiếm 5.01% tổng doanh thu, giảm 2% so với năm 2015.
- Chi phí tài chính trong năm là 1,50 tỷ đồng, chiếm 0,11% tổng doanh thu

Lợi nhuận sau thuế năm 2016: đạt 37,54 tỷ đồng, chiếm 2,84% tổng doanh thu, giảm 14% so với năm 2015.

Trong năm Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý giá nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý góp phần cải thiện chỉ tiêu lợi nhuận.

2. Tình hình tài chính - Các chỉ số tài chính trong năm 2016

Báo cáo tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính :

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2016	Năm 2015
1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1 320 616 648 366	1 195 003 211 811

2.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	46 017 914 115	56 579 936 262
3.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	58 415 254 840	58 415 254 840
4.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	37 540 204 033	43 696 214 883

b/ Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán	Năm 2016	Năm 2015
Tổng tài sản	556 549 140 019	425 700 781 269
Tài sản ngắn hạn	429 056 158 829	362 765 730 671
Tài sản dài hạn	127 492 981 191	62 935 050 598
Vốn điều lệ	103,263,100,000	103,263,100,000
Vốn chủ sở hữu	266 049 387 430	229 893 767 880

c/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015
Chỉ số khả năng thanh toán			
Tỉ số thanh toán	lần	1.65	1.91
Tỉ số thanh toán nhanh	lần	1.24	1.33
Chỉ số sử dụng vốn			
Hệ số vòng quay các khoản phải trả	lần	5.89	7.67
Hệ số vòng quay các khoản phải thu	lần	4.74	5.70
Hệ số quay vòng hàng tồn kho	lần	9.77	9.10
Chỉ số lợi nhuận			
Tỉ suất lợi nhuận thuần	%	2.84%	3.66%
Tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	%	6.78%	10.27%
Tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12.95%	19.01%

d/ Tình hình tài chính - Các chỉ số tài chính trong năm 2016:

Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành: Trong năm 2016 tỷ số này giảm so với năm 2015 (từ Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 tăng so với năm 2015 (tỷ lệ tăng từ 9.10 đến 9.77), điều này thể hiện hàng hóa được tiêu thụ nhanh tiết kiệm được chi phí lưu kho và rủi ro hư hỏng hàng hóa. Tuy nhiên chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2016 về lý thuyết thì tốt nhưng thực tế thì cần phải cân đối cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất và cung ứng kịp thời hàng hóa cho thị trường

Các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm 2016 cao so với năm 2015, tỷ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2016 giảm hơn 2015 (từ 19.01% xuống còn 12.95%), doanh thu năm 2016 cao hơn so với năm 2015 trong khi tổng chi phí giảm. Trong năm 2016, công ty tiếp tục tìm nguồn cung cấp với giá cả hợp lý và chấn chỉnh và kiểm soát chi phí để tiếp tục gia tăng lợi nhuận.

3. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2015 và 2016:

STT	Ngành	Đvt	2015	2016	Chênh lệch	% tăng trưởng
1	GẠO ĂN LIỀN	Tấn	10 629	10 960	331	3%
	- Nội địa	""	9 373	9 591	217	2%
	- Xuất khẩu	""	1 256	1 369	114	9%
2	MÌ ĂN LIỀN	Tấn	15 167	13 112	(2 055)	-14%
	- Nội địa	""	3 499	3 529	30	1%
	- Xuất khẩu	""	11 668	9 583	(2 085)	-18%
3	GIA VỊ	Tấn	15 774	14 632	(1 142)	-7%
	- Nội địa	""	15 611	14 453	(1 158)	-7%
	- Xuất khẩu	""	163	179	16	10%
	TỔNG	Tấn	41 571	38 704	(2 867)	-7%

Tổng sản lượng sản xuất cho tất cả các ngành hàng năm 2016 là 38.704 tấn, giảm 7% so với năm 2015. Trong đó, tăng nhiều nhất là các sản phẩm gạo ăn liền (bao gồm các sản phẩm chủ lực của công ty VIFON như phở vifon, hủ tiếu nam vang, bánh đa cua, bún riêu cua...) tăng 3% so với năm 2015, và sản lượng 2016 đạt 10.960 tấn cao hơn 331 tấn so với năm 2015, tiếp theo đó là các sản phẩm ngành gia vị giảm 7% so với năm 2015, và tổng sản lượng ngành mì giảm 14% so với năm 2015.

4. Những tiến bộ công ty đạt được

Công nghệ

Hiện tại, Vifon sử dụng công nghệ hiện đại của Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc và đưa vào hoạt động thường xuyên để khai thác tối đa công suất phục vụ cho thị trường.

Thương hiệu

Thương hiệu Vifon ngày càng được nâng cao uy tín và càng phát triển lớn mạnh. Sản phẩm Vifon được tiêu thụ tại 64 tỉnh thành trong cả nước.

Tiêu chí “sản phẩm ngon-bổ-sạch và tiện dụng” đã được Vifon theo đuổi một cách nhất quán trong suốt mấy chục năm qua. Từ nhiều năm gần đây, sản phẩm của Vifon đảm bảo không dùng

Sản phẩm luôn được người tiêu dùng bình chọn vào TOP 10 hoặc TOP 100 hàng Việt Nam chất lượng cao hàng năm do Báo SGTĐT tổ chức. Sản phẩm Vifon đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao” trong 20 năm liền (1997 – 2016) do người tiêu dùng bình chọn.

Năm 2013 cũng là năm kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Công ty, nhân dịp này Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Việt Nam đã vinh dự đón nhận **Huân Chương Lao Động Hạng Nhất**.

Nước ngoài

Là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam được Tổ chức Foundation For Excellence in Business Practice (FEBP) Thụy Sĩ tặng huy chương vàng “ Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất sắc “ ở nước ngoài;

Trong tháng 8/2010, lần đầu tiên một sản phẩm Việt Nam là phở ăn liền Vifon được vinh danh vào Top 10 hạng mục “Công nghiệp hoá món ăn truyền thống” của Giải thưởng thực phẩm toàn cầu (Global Food Award) do Hiệp hội khoa học và công nghệ thực phẩm thế giới (IUFOST) trao tặng.

Tháng 8/2012, sản phẩm “ Bánh đa cua ăn liền “ của công ty vinh dự đón nhận giải thưởng công nghệ thực phẩm toàn cầu ở hạng mục “ Sáng tạo sản phẩm và cải tiến công nghệ “ do liên đoàn các hiệp hội khoa học thực phẩm quốc tế (IUFOST) trao tặng tại Hội nghị ở Brasil 2012.

Vifon được lựa chọn là một trong những thương hiệu được người tiêu dùng Ba Lan yêu thích nhất và nhận được danh hiệu " Laur Konsumenta -Top Marka 2013" trong lĩnh vực "Hàng thực phẩm tiêu dùng"

Các hoạt động xã hội

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động Xã hội – từ thiện vì cộng đồng, các chương trình chính trị an sinh xã hội mang ý nghĩa thiết thực như: Tài trợ cho Quỹ Học bổng trẻ em Việt Nam, tài trợ cho Quỹ học bổng Vì A Dính, Ủng hộ chương trình Vì Trường Sa thân yêu, tham gia cứu trợ đồng bào bị lũ lụt Miền Trung, tài trợ sinh viên đón Tết xa nhà, tiếp sức mùa thi, tham gia các chương trình bình ổn giá do UBND TPHCM tổ chức.

IV – QUẢN TRỊ CÔNG TY

1/ Hội đồng quản trị công ty

Hội đồng quản trị Công ty gồm 4 người:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Ánh Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phạm Đình Hạnh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Hanna Szczygelska	Thành viên HĐQT
4	Ông Michal Niescioruk	Thành viên HĐQT

2/ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 người.

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Tào Anh Hoàn	Trưởng ban KS
2	Ông Tào Ngọc Thanh	Thành viên Ban KS
3	Ông Lê Văn Nhung	Thành viên Ban KS

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

Trong năm 2016, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Việt Nam đã thực hiện kiểm tra thường xuyên mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, đầu tư tài chính của công ty trong năm 2016, việc kiểm tra được tiến hành khách quan, phù hợp với các quy định của nhà nước và điều lệ công ty.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Thành phần Hội đồng Quản trị có 4 thành viên, Ban Tổng Giám đốc có 5 thành viên, Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên. Tổng thù lao và thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc là 6.166.650.300 đồng. Tổng thù lao và các chi phí hoạt động của BKS trong năm 214.000.000 đồng.

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Tên Công ty: Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 08.38275026 – Fax: 08.38275027

Mã số thuế: 0302361789

Giới hạn phạm vi kiểm toán: Không có.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC

BUI PHƯƠNG MAI